

Bản tin **THỊ TRƯỜNG NÔNG, LÂM, THỦY SẢN**

BỘ CÔNG THƯƠNG

Số ra ngày 15/11/2017

TRONG SỐ NÀY:

Trang

TÌNH HÌNH CHUNG	2
Thị trường thế giới	2
Thị trường trong nước.....	2
Thị trường cao su	3
1. Thị trường thế giới	3
2. Thị trường trong nước	4
3. Tình hình xuất khẩu cao su của Việt Nam.....	5
4. Dung lượng thị trường và thị phần cao su Việt Nam trong nhập khẩu cao su của Trung Quốc.....	7
Thị trường hạt điều	8
1. Thông tin ngành điều thế giới.....	8
2. Thị trường hạt điều trong nước.....	10
3. Diễn biến tình hình xuất khẩu.....	10
4. Tình hình sản xuất, tiêu thụ và giá điều của một số nước.....	12
5. Đánh giá thị phần mặt hàng hạt điều của Việt Nam tại một số thị trường xuất khẩu.....	13
Thị trường thủy sản	15
1. Thông tin thủy sản thế giới.....	15
2. Thị trường trong nước.....	16
3. Tình hình xuất khẩu thủy sản	16
4. Dung lượng thị trường và thị phần thủy sản của Việt Nam.....	17
Thị trường hạt tiêu	19
1. Thị trường trong nước.....	19
2. Tình hình xuất khẩu.....	19
3. Triển vọng xuất khẩu thời gian tới.....	20
THƯƠNG MẠI NÔNG, LÂM SẢN, THỦY SẢN TẠI CỬA KHẨU MÓNG CÁI	21
TIN CHUYÊN ĐỀ	22
EU ban hành thẻ vàng đối với hải sản khai thác của Việt Nam.....	22
Năm 2025 có 95% hải sản khai thác được kiểm soát nguồn gốc ngay tại cảng.....	23
Kế hoạch hành động quốc gia phát triển ngành tôm Việt Nam đến năm 2025.....	24



Thị trường thế giới

- Cao su: Giá cao su thế giới tăng do được hỗ trợ bởi thông tin nhập khẩu cao su của Trung Quốc tăng. Xuất khẩu cao su của Thái Lan tiếp tục tăng trưởng mạnh.

- Hạt điều: Nửa đầu tháng 11/2017, xu hướng giá điều tại Ấn Độ biến động không đồng nhất. Hội đồng điều thế giới (GCC) ước tính tổng sản lượng điều toàn cầu niên vụ 2017/18 đạt 7,4 triệu tấn (điều tươi) (tương đương khoảng 3,3 triệu tấn điều thô). Sản lượng điều ước tính giảm mạnh ở Căm-pu-chia và ở Việt Nam.

- Thủy sản: Giá tôm cỡ 30 con/kg HOSO tại Ấn Độ tăng 10 Rupees/kg do nguồn cung khan hiếm.

Thị trường trong nước

- Cao su: Xuất khẩu cao su tháng 10 giảm mạnh về lượng và trị giá so với tháng trước đó. Trong những tháng gần đây giá cao su có xu hướng giảm.

- Hạt điều: Do yếu tố thời tiết không thuận lợi, năng suất và sản lượng điều của Việt Nam giảm kỷ lục. Ước tính trong năm 2017, sản lượng điều của cả nước chỉ đạt 252.038 tấn, giảm 51.860 tấn so với năm 2016.

- Thủy sản: Giá cá tra đang giữ mức cao kỷ lục của năm. Giá tôm nguyên liệu tại Bến Tre tăng khoảng 5 ngàn đồng/kg so với tháng trước

- Tại cửa khẩu Móng Cái: Xuất khẩu thủy, hải sản sang thị trường Trung Quốc giảm do ảnh hưởng của mưa bão. Các đối tác Trung Quốc đang nỗ lực hoàn thành chỉ tiêu nhập khẩu 1,5 triệu tấn gạo của Việt Nam

THỊ TRƯỜNG CAO SU

- Giá cao su thế giới tăng nhờ được hỗ trợ bởi thông tin nhập khẩu cao su của Trung Quốc tăng.
- 9 tháng năm 2017, nhập khẩu cao su của Trung Quốc đạt 13,98 tỷ USD, tăng 46,8% so với cùng kỳ năm 2016.
- IIRCo dự báo nguồn cung cao su tự nhiên trên thị trường toàn cầu giảm, trong bối cảnh nhu cầu có khả năng tăng mạnh.
- Giá mủ cao su tại thị trường trong nước tăng so với cuối tháng 10/2017.

1. Thị trường thế giới

Từ đầu tháng 11/2017 đến nay, giá cao su thế giới tăng trong bối cảnh nhập khẩu cao su của Trung Quốc tăng. Cụ thể:

- Tại Nhật Bản, ngày 14/11/2017 giá cao su RSS3 giao kỳ hạn tháng 4/2018 tăng 10 Yên, lên 205,5 Yên/kg so với đầu tháng 11/2017.

- Tại Thái Lan, giá cao su RSS 3 đã tăng 0,6% so với đầu tháng 11/2017, lên mức 53,5 THB/kg đối với hợp đồng giao tháng 12/2017.

- Giá cao su thiên nhiên tại thị trường Trung Quốc đối với hợp đồng giao tháng 11/2017 tăng nhẹ 2,3% (tương đương 265 NDT/tấn) so với đầu tháng 11/2017, đạt 11.945 NDT/tấn (ngày 11/11/2017) .

Trong 9 tháng năm 2017, nhập khẩu cao su của Trung Quốc đạt 13,98 tỷ USD, tăng 46,8% so với cùng kỳ năm 2016.

Tính đến cuối tháng 10/2017, tồn kho cao su của Trung Quốc tăng nhẹ 100 tấn so với giữa tháng 10/2017, đạt 199 nghìn tấn.

Lượng cao su tồn kho tại Thanh Đảo (Trung Quốc) tính đến ngày 30/10/2017

Đơn vị tính: Tấn

	Cao su thiên nhiên	Cao su hỗn hợp	Cao su tổng hợp	Tổng
Tồn kho đến ngày 15/10/2017	122.100	4.000	72.800	198.900
Tồn kho đến ngày 30/10/2017	116.400	4.000	78.600	199.000
Thay đổi (tấn)	-5.700	0	5.800	100
Tỷ lệ thay đổi (%)	-4,7	0,0	7,9	0,05

Nguồn: sci99.com

Về nguồn cung: Theo International Rubber Consortium (IRCo) - gồm các đại diện đến từ Thái Lan, In-đô-nê-xi-a và Ma-lai-xi-a dự báo nguồn cung cao su tự nhiên trên thị trường toàn cầu giảm, trong bối cảnh nhu cầu có khả năng tăng mạnh. IRCo nhận định hiện tượng thời tiết La Nina có khả năng gây ra mưa

THỊ TRƯỜNG CAO SU

lớn từ tháng 11/2017 đến tháng 1/2018, sẽ tác động tới sản xuất cao su tự nhiên, cũng như mùa đông bắt đầu trong quý IV/2017 cũng là yếu tố gây giảm nguồn cung trên thị trường toàn cầu. Xét đến tình hình cung - cầu cao su tự nhiên hiện nay, giá cao su đang không phản ánh các yếu tố cơ bản thị trường.

Theo Bộ Thương mại Mi-an-ma, trong giai đoạn từ tháng 4/2017 đến tháng 10/2017, xuất khẩu cao su của Mi-an-ma đạt 88,8 triệu USD, tăng so với mức 62,2 triệu USD cùng kỳ năm trước. Trên 90% sản lượng cao su của Mi-an-ma là để phục vụ xuất khẩu, chỉ khoảng 8% được sử dụng để tiêu thụ nội địa. Mỗi năm, Mi-an-ma sản xuất gần 200.000 tấn cao su. Trung Quốc, Ma-lai-xi-a , Nhật Bản là các thị trường nhập khẩu cao su chính của nước này.

Xuất khẩu cao su của Thái Lan tiếp tục tăng trưởng mạnh. Trong 9 tháng đầu năm 2017, xuất khẩu cao su của Thái Lan đạt 412,98 tỷ Baht, tăng 32,8% so với cùng kỳ năm 2016. Trong đó, Trung Quốc, Hoa Kỳ và Ma-lai-xi-a là 3 thị trường xuất khẩu cao su chính của Thái Lan. 9 tháng đầu năm 2017, xuất khẩu cao su của Thái Lan sang Trung Quốc đạt 144,75 tỷ Baht, tăng 61,9% so với cùng kỳ năm 2016, chiếm 35% thị phần nhập khẩu cao su của Trung Quốc, tăng so với mức 28,8% của 9 tháng năm 2016.

10 thị trường xuất khẩu cao su và các sản phẩm cao su lớn nhất của Thái Lan 9 tháng năm 2017

(Đơn vị tính: Nghìn Baht)

Thị trường	9T/2016	9T/2017	So với 9T/2016 (%)	Thị phần 9 tháng (%)	
				Năm 2016	Năm 2017
Tổng	310.985.543	412.988.401	32,8	100	100
Trung Quốc	89.425.775	144.751.566	61,9	28,8	35,0
Hoa Kỳ	57.775.264	72.179.559	24,9	18,6	17,5
Ma-lai-xi-a	22.813.030	29.301.086	28,4	7,3	7,1
Nhật Bản	19.334.799	24.650.871	27,5	6,2	6,0
Việt Nam	6.593.593	9.355.664	41,9	2,1	2,3
Hàn Quốc	7.119.970	8.744.875	22,8	2,3	2,1
Đức	8.033.383	8.294.778	3,3	2,6	2,0
Ấn Độ	7.693.417	7.732.431	0,5	2,5	1,9
Úc	6.279.198	6.485.738	3,3	2,0	1,6
Bra-xin	4.140.753	6.240.523	50,7	1,3	1,5

Nguồn: Hải quan Thái Lan

2. Thị trường trong nước

Giá mủ cao su hiện đang có chiều hướng tăng so với tháng 10/2017. Với mức giá bán mủ như hiện nay, việc canh tác cây cao su là ổn định và mang lại thu

THỊ TRƯỜNG CAO SU

nhập khá so với các cây trồng khác. Giá mủ cao su nguyên liệu tại Bình Phước, Bình Dương, Tây Ninh tăng nhẹ trong những ngày đầu tháng 11/2017. Cụ thể ngày 14/11/2017, Công ty cao su Phú Riềng thông báo giá thu mua mủ cao su tăng 3 Đ/độ TSC ở cả giá thu mua mủ tạp và mủ nước, đạt lần lượt 273 Đ/độ TSC và 278 Đ/độ TSC (trước đó ngày 03/11/2017 giá đạt 270 Đ/độ TSC và 275 Đ/độ TSC).

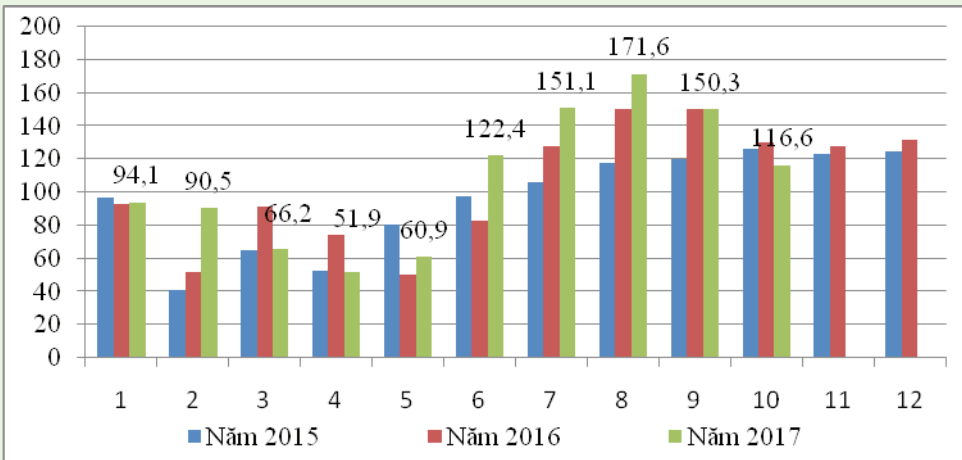
Tham khảo giá cao su nguyên liệu tại Bình Phước

Giá cao su nguyên liệu	Ngày 03/11/2017	Ngày 14/11/2017	So với ngày 03/11/2017 (%)
Mủ tạp	270 Đ/độ	273 Đ/độ	1,1
Mủ nước	275 Đ/độ	278 Đ/độ	1

3. Tình hình xuất khẩu cao su của Việt Nam

Theo Tổng cục Hải quan, xuất khẩu cao su của Việt Nam trong tháng 10/2017 giảm 22,4% về lượng và giảm 25,7% về trị giá so với tháng 9/2017, đạt 116,59 nghìn tấn, trị giá đạt 179,05 triệu USD. Tính đến hết tháng 10/2017, lượng cao su xuất khẩu đạt 1,07 triệu tấn, trị giá đạt 1,8 tỷ USD, tăng 7,7% về lượng và 42,8% về trị giá so với cùng kỳ năm 2016.

Xuất khẩu cao su của Việt Nam từ năm 2015 - 2017 (ĐVT: nghìn tấn)



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá cao su xuất khẩu bình quân 10 tháng năm 2017 tăng 32,6% so với cùng kỳ năm 2016, lên 1.680 USD/tấn. Tuy nhiên, trong những tháng gần đây giá cao su có xu hướng giảm. Tính riêng tháng 10/2017, giá xuất khẩu cao su giảm 4,2% so với tháng 9/2017, nhưng vẫn tăng 15,7% so với cùng kỳ năm 2016, đạt bình quân 1.536 USD/tấn.

THỊ TRƯỜNG CAO SU

Về thị trường: 10 tháng năm 2017, Trung Quốc vẫn là thị trường xuất khẩu cao su chủ yếu của Việt Nam với khối lượng đạt 681,3 nghìn tấn, trị giá đạt 1,13 tỷ USD, tăng 17,2% về lượng và tăng 55,6% về trị giá so với cùng kỳ năm 2016. Trung Quốc hiện nhập khẩu tới 63,6% tổng khối lượng cao su xuất khẩu của Việt Nam.

Ngoài ra, lượng cao su xuất khẩu sang một số thị trường khác cũng tăng khá như Hàn Quốc tăng 18,8%, Thổ Nhĩ Kỳ tăng 18,1%, Hoa Kỳ tăng 7,6%...

Ở chiều ngược lại, lượng cao su xuất khẩu sang thị trường Ma-lai-xi-a và Ấn Độ giảm mạnh 18,1%, 45,3% so với 10 tháng năm 2016.

15 thị trường xuất khẩu cao su lớn nhất trong tháng 10 và 10 tháng năm 2017

ĐVT: Lượng: tấn; Trị giá: nghìn USD

Thị trường	Tháng 10/2017		So với tháng 9/2017 (%)		So với tháng 10/2016 (%)		10 tháng năm 2017		So với 10 tháng năm 2016 (%)	
	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá
Tổng		179.048	-22,4	-25,7	-10,5	3,5			7,7	42,8
Trung Quốc	72.548	108.276	-27,6	-33,2	-12,5	-2,1	681.328		17,2	55,6
Ma-lai-xi-a	5.687	8.749	-51,9	-52,2	-53,5	-44,0	65.593	102.085	-18,1	5,1
Hàn Quốc	4.141	6.928	14,3	13,1	11,6	35,1	37.149	69.598	18,8	64,7
Ấn Độ	3.963	6.315	-33,6	-33,6	-46,0	-35,4	42.533	71.228	-45,3	-31,2
Đức	3.556	5.901	15,3	11,5	23,7	52,2	30.564	55.629	8,0	51,2
Đài Loan	3.256	5.789	10,6	20,1	12,3	41,1	22.063	40.403	3,1	37,8
Hoa Kỳ	2.677	4.032	4,7	6,1	-19,5	-7,7	28.881	45.128	7,6	38,7
Thổ Nhĩ Kỳ	2.142	3.223	-9,1	-7,9	17,0	29,7	20.193	34.299	18,1	62,4
Ý	1.943	2.922	43,4	44,8	88,5	119,0	13.123	22.219	19,8	69,3
Tây Ban Nha	1.657	2.463	87,9	83,4	35,0	53,2	10.313	17.886	6,8	48,2
In-đô-nê-xi-a	1.603	2.470	-18,0	-14,2	70,5	107,9	11.859	19.800	31,3	70,9
Hà Lan	1.318	2.288	4,8	11,6	90,7	147,1	11.882	19.850	39,3	73,8
Bra-xin	1.286	1.790	-22,5	-23,4	-6,6	20,3	9.075	13.952	-20,9	10,8
Nhật Bản	1.111	2.080	17,6	21,4	7,4	27,9	9.516	19.104	4,9	40,3
Canada	946	1.611	42,5	44,5	147,0	195,4	3.761	6.782	12,2	43,1

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Triển vọng xuất khẩu cao su thời gian tới

Từ nay đến cuối năm nay, xuất khẩu cao su của nước ta được dự báo sẽ tăng trở lại do nhu cầu từ các thị trường chính như: Trung Quốc, Ma-lai-xi-a, Hàn Quốc... đang có xu hướng tăng. Trong khi đó, quý IV thường là tháng cao điểm về nhập khẩu cao su của Trung Quốc và tiêu dùng nội địa cao su tự nhiên tại Thái Lan, In-đô-nê-xi-a và Ma-lai-xi-a để xây dựng đường giao thông cũng tăng lên.

THỊ TRƯỜNG CAO SU

Bên cạnh đó, các nhà nhập khẩu cao su thường có xu hướng đẩy mạnh nhập khẩu trong giai đoạn cuối năm nhằm có nguồn hàng gối đầu, trước khi nguồn cung cao su bước vào giai đoạn cuối vụ thu hoạch từ tháng 2 đến tháng 5 hàng năm.

4. Dung lượng thị trường và thị phần cao su Việt Nam trong nhập khẩu cao su của Trung Quốc

Theo thống kê của Hải quan Trung Quốc trong 9 tháng đầu năm 2017, nhập khẩu cao su của Trung Quốc đạt 13,98 tỷ USD, tăng 46,8% so với cùng kỳ năm 2016. Trong đó, Việt Nam đứng thứ 4 về cung cấp cao su cho Trung Quốc với kim ngạch tăng 69,1% so với cùng kỳ năm 2016. 9 tháng đầu năm 2017, thị phần nhập khẩu cao su của Trung Quốc từ Việt Nam đã tăng lên đạt 7,9% so với mức 6,8% của tháng 9 tháng đầu năm 2016. Trong khi đó, thị phần nhập khẩu cao su của Trung Quốc từ một số thị trường giảm như: Nhật Bản, Hoa Kỳ, Đức, Pháp, Hàn Quốc...

10 thị trường cung cấp cao su và sản phẩm từ cao su cho Trung Quốc 10 tháng năm 2017

Thị trường	9T/2017		So với 9T/2016 (%)		Thị phần 9 tháng (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá	Năm 2016	Năm 2017
Tổng	5.613.917	13.981.464	23,5	46,8	100	100
Thái Lan	2.182.533	4.219.229	14,9	60,4	27,6	30,2
Ma-lai-xi-a	708.034	1.446.164	33,4	79,5	8,5	10,3
Nhật Bản	205.952	1.154.149	-1,3	8,1	11,2	8,3
Việt Nam	620.793	1.098.431	26,2	69,1	6,8	7,9
In-đô-nê-xi-a	527.338	1.000.520	136,4	216,7	3,3	7,2
Hoa Kỳ	223.688	896.841	5,4	12,3	8,4	6,4
Đức	105.435	732.702	17,6	23,1	6,2	5,2
Hàn Quốc	271.892	722.803	2,9	13,0	6,7	5,2
Đài Loan	72.719	360.238	0,3	57,0	2,4	2,6
Xin-ga-po	107.923	291.275	48,9	59,1	1,9	2,1

Nguồn: Custom-info

THỊ TRƯỜNG HẠT ĐIỀU

- Nửa đầu tháng 11/2017, xu hướng giá điều tại Ấn Độ biến động không đồng nhất
- Theo yếu tố chu kỳ, giá điều thường sẽ đạt mức cao nhất trong 2 tháng cuối năm.
- Ước tính trong năm 2017, sản lượng điều cả nước chỉ đạt 252.038 tấn, giảm 51.860 tấn so với năm 2016.
- Lượng điều xuất khẩu tăng nhẹ, giá xuất khẩu điều xuống mức thấp nhất trong 5 tháng.

1. Thông tin ngành điều thế giới

Nửa đầu tháng 11/2017, giá điều giao ngay tại Ấn Độ biến động trái chiều. Tại cảng Delhi, giá điều giao ngay giảm, cụ thể: giá điều WW180 giảm 0,9%, xuống còn 1.085 Rs/kg; giá điều WW320 giảm 1,2%, xuống còn 820 Rs/kg. Ngược lại, tại cảng Jalandar, giá điều WW180 giao ngay tăng 1,1%, lên mức 905 Rs/kg; giá điều WW320 tăng mạnh 1,9%, lên mức 825 Rs/kg. Tại cảng Sangarur, giá tương đối ổn định.

Giá điều giao ngay tại Ấn Độ ngày 11/11/2017

Chủng loại	Cảng	Đơn giá (Rs/kg)	So với đầu T11/2017(%)
Hạt điều - WW180	Delhi	1.085	-0,9
Hạt điều - WW210	Delhi	985	-1,0
Hạt điều - WW240	Delhi	917,5	-1,1
Hạt điều - WW320	Delhi	820	-1,2
Điều nhân vỡ 2 mảnh	Delhi	717,5	-1,0
Điều nhân vỡ 4 mảnh	Delhi	697,5	-1,4
Điều nhân vỡ 8 mảnh	Delhi	600	-1,6
Pistachio Hairati	Delhi	1.475	0,0
Pistachio Irani	Delhi	1.150	0,0
Pistachio Peshawari	Delhi	1.612,5	0,0
Hạt điều - WW180	Jalandar	905	1,1
Hạt điều - WW210	Jalandar	875	2,3
Hạt điều - WW240	Jalandar	785	1,3
Hạt điều - WW320	Jalandar	825	1,9
Điều nhân vỡ 8 mảnh	Sangarur	655	0,0
Điều nhân vỡ 4 mảnh	Sangarur	735	0,0
Điều nhân vỡ 2 mảnh	Sangarur	790	0,0
Hạt điều - WW180	Sangarur	1.035	0,0
Hạt điều - WW210	Sangarur	975	0,0
Hạt điều - WW240	Sangarur	935	0,0
Hạt điều - WW320	Sangarur	905	0,0

Nguồn: cashewinfo

THỊ TRƯỜNG HẠT ĐIỀU

Hiện nguồn cung điều toàn cầu được bổ sung một lượng khá lớn khi nhiều nước sản xuất bước vào vụ thu hoạch, trong khi đó nhu cầu tiêu thụ trực tiếp và tích trữ tăng mạnh. Dịp Giáng sinh và năm mới sắp đến gần, đây là thời gian tiêu thụ điều tăng mạnh nhất trong năm. Do đó, theo yếu tố chu kỳ, giá điều thường sẽ đạt mức cao nhất trong 2 tháng cuối năm.

Tại Ta-da-ni-a và Mô-dăm-bích, sản lượng điều dành cho xuất khẩu năm nay đạt từ 250.000 - 300.000 tấn. Bên cạnh đó, nguồn cung điều được bổ sung khi các nước Bra-xin, In-đô-nê-xia, Kê-ni-a, bước vào mùa vụ, kéo dài từ tháng 11 đến tháng 2 năm sau.

Mùa vụ thu hoạch điều trên thế giới

Quốc gia	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T11	T12
Ấn Độ												
Bra-xin												
Việt Nam												
Bờ Biển Ngà												
Ta-da-ni-a												
Ghi-nê-Bít-xao												
In-đô-nê-xi-a												
Bê-nanh												
Ni-giê-ri-a												
Mô-dăm-bích												
Xê-nê-gan												
Kê-ni-a												
Gha-na												

Nguồn: <http://www.cashewinfo.com>

Hội đồng điều thế giới (GCC) ước tính tổng sản lượng điều toàn cầu niên vụ 2017/18 đạt 7,4 triệu tấn (điều tươi) (tương đương khoảng 3,3 triệu tấn điều thô), giảm khoảng 40% so với niên vụ trước. Sản lượng ước tính giảm mạnh ở Căm-pu-chia và ở Việt Nam. Trong khi đó, sản lượng tăng tại nhiều quốc gia sản xuất lớn như Ấn Độ, Bờ Biển Ngà và Bra-xin.

Tại Bra-xin, ước tính sản lượng điều năm 2017 đạt khoảng 150.000 tấn, cao hơn 79.765 tấn của năm 2016. Kỳ vọng trong năm 2018, sản xuất điều của Bra-xin sẽ đạt 300.000 tấn, nhờ tăng cường đầu tư, ứng dụng khoa học kỹ thuật, sẽ giảm thiểu tối đa sự tác động bất lợi từ thời tiết.

Dự báo trong thời gian tới, giá điều toàn cầu sẽ biến động theo xu hướng tăng do nhu cầu tiêu thụ điều tăng mạnh vào dịp cuối năm, trong khi nguồn cung khan hiếm.

THỊ TRƯỜNG HẠT ĐIỀU

2. Thị trường hạt điều trong nước

Do yếu tố thời tiết không thuận lợi, năng suất và sản lượng điều của Việt Nam giảm kỷ lục. Ước tính trong năm 2017, sản lượng điều cả nước chỉ đạt 252.038 tấn, giảm 51.860 tấn so với năm 2016.

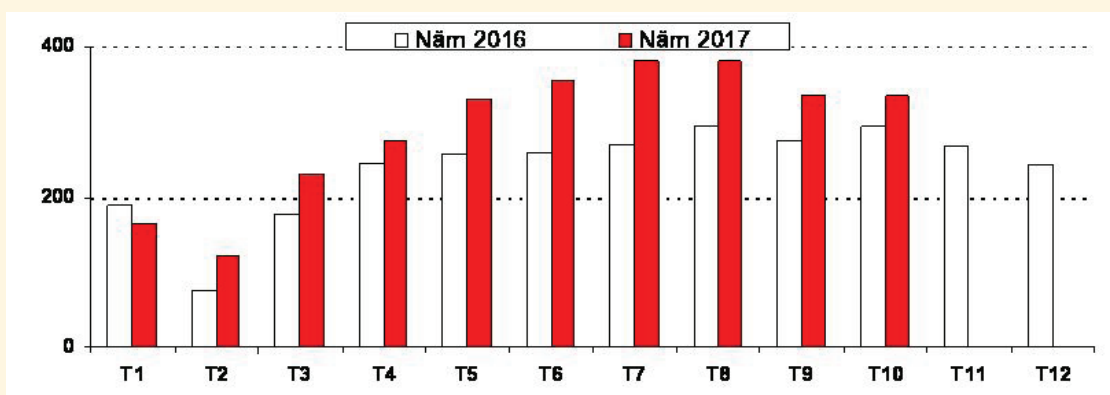
Theo số liệu thống kê của Cục Trồng trọt Bộ NN&PTNT, năng suất điều cả nước năm 2017 dự kiến chỉ đạt bình quân 7,8 tạ/ha, giảm 0,21 tấn/ha so với năm 2016. Thậm chí có nơi năng suất chỉ khoảng 1,5-2,5 tạ/ha, có nơi mất trắng 100%. Chất lượng điều thô cũng bị ảnh hưởng, hạt chất lượng xấu ở cả 3 giai đoạn đầu - giữa và cuối mùa (những năm trước thường chỉ xấu vào cuối mùa). Từ nay tới cuối năm, điều trong nước vẫn còn 1 đợt thu hoạch, nhưng sản lượng không nhiều.

3. Diễn biến tình hình xuất khẩu

Theo số liệu thống kê từ Tổng cục Hải quan, trong tháng 10/2017, lượng điều xuất khẩu đạt 33,6 nghìn tấn, kim ngạch đạt 334,3 triệu USD, tăng 0,7% về lượng nhưng giảm 0,02% về kim ngạch so với tháng trước; tăng 1,1% về lượng và tăng 14% về kim ngạch so với tháng 10/2016. Trong 10 tháng năm nay, sản lượng điều xuất khẩu đạt 291,7 nghìn tấn, kim ngạch đạt 2,891 tỷ USD, tăng 0,4% về lượng và tăng 24% về kim ngạch so với cùng kỳ năm 2016.

Kim ngạch xuất khẩu hạt điều qua các tháng từ năm 2016 đến nay

(ĐVT: Triệu USD)



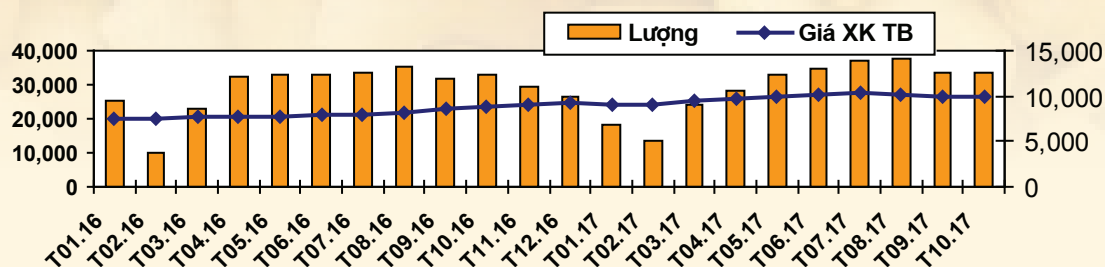
Nguồn: Tổng cục Hải quan

Về diễn biến giá xuất khẩu: Tháng 10/2017, giá xuất khẩu bình quân mặt hàng điều đạt mức thấp nhất trong vòng 5 tháng trở lại đây, trung bình ở mức 9.956 USD/tấn, giảm 0,7% so với tháng trước nhưng tăng 12,7% so với cùng kỳ năm ngoái. Tính chung 10 tháng năm 2017, giá xuất khẩu bình quân mặt hàng điều ở mức 9.914 USD/tấn, tăng 23,5% so với 10 tháng năm 2016.

THỊ TRƯỜNG HẠT ĐIỀU

Lượng và giá xuất khẩu trung bình mặt hàng điều năm 2016-2017

(ĐVT: Lượng: tấn; Giá XKTB: USD/tấn)



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tháng 10/2017, giá xuất khẩu bình quân điều tới thị trường Hồng Kông đạt mức cao nhất 11.918 USD/tấn, tăng 2% so với tháng trước và tăng 13,9% so với cùng kỳ năm ngoái. Tính chung 10 tháng năm nay, giá xuất khẩu bình quân mặt hàng điều tới thị trường Hồng Kông đạt mức 11.495 USD/tấn, tăng 24% so với 10 tháng năm 2016.

Về thị trường: Tháng 10/2017, xuất khẩu hạt điều tới hai thị trường lớn nhất là Hoa Kỳ và Hà Lan tiếp tục giảm, trong khi xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc tăng trưởng tháng thứ 2 liên tiếp.

Tháng 10/2017, xuất khẩu hạt điều sang thị trường Trung Quốc đạt 5,8 nghìn tấn, trị giá đạt 57,5 triệu USD, tăng 29,7% về lượng và tăng 33,3% về trị giá so với tháng 9/2017; so với cùng kỳ năm ngoái giảm 13,2% về sản lượng và giảm 3,5% về trị giá. Tính chung 10 tháng năm nay, xuất khẩu hạt điều sang thị trường Trung Quốc giảm 13,5% về sản lượng nhưng tăng 6,2% về trị giá, đạt 36,2 nghìn tấn, trị giá đạt 351,1 triệu USD.

10 thị trường xuất khẩu hạt điều lớn nhất tháng 10 và 10 tháng năm 2017

(ĐVT: Lượng: tấn; Trị giá: nghìn USD)

Thị trường	T10/2017		So với T9/2017(%)		So với T10/2016(%)		10T/2017		So với 10T/2016(%)	
	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá
Tổng	33.578	334.289	0,7	-0,02	1,1	14,0	291.702	2.891.963	0,4	24,0
Hoa Kỳ	9.409	94.838	-17,6	-18,6	-18,6	-7,9	101.877	1.025.348	3,5	29,1
Hà Lan	4.804	48.217	-8,6	-10,9	27,6	39,5	44.847	455.814	15,9	44,6
Trung Quốc	5.851	57.500	29,7	33,3	-13,2	-3,5	36.215	351.175	-13,5	6,2
Anh	1.461	13.901	11,4	11,0	15,2	30,0	13.785	131.163	3,4	24,2
Úc	1.428	14.736	16,4	18,8	31,5	60,3	11.258	111.544	-11,5	8,9
Đức	1.095	11.438	-11,1	-12,9	-17,2	-2,5	8.574	88.200	-15,3	6,2
Canada	1.063	11.193	33,4	32,5	23,0	38,0	8.235	84.361	-8,4	12,4
Thái Lan	313	3.180	-55,5	-54,7	15,1	36,3	6.989	70.449	6,5	34,1
Nga	566	5.713	27,5	25,9	82,6	102,6	4.502	44.687	27,9	57,8
I-xra-en	307	2.992	1,0	-10,4	-21,1	-12,6	3.579	39.217	-8,8	18,5

Nguồn: Tổng cục Hải quan

THỊ TRƯỜNG HẠT ĐIỀU

Dự báo tình hình xuất khẩu trong thời gian tới

Mặc dù xu hướng tăng đã dừng lại trong quý 2 và quý 3/2017 nhưng nhìn chung giá xuất khẩu của Việt Nam vẫn ở mức cao so với những năm trước, và triển vọng sẽ duy trì vững trong quý 4/2017 và quý 1/2018 do nhu cầu tăng trong dịp Lễ Tết cuối năm, nhất là ở châu Âu và châu Á. Theo thông lệ 6 tháng đầu năm chưa phải là chu kỳ tăng giá, nên vẫn có khả năng còn một đợt tăng giá nữa vào 2 tháng cuối năm.

Triển vọng xuất khẩu điều thời gian tới tương đối khả quan do dung lượng thị trường rất lớn, nhu cầu tiêu thụ tại các thị trường trọng điểm như Hoa Kỳ, Trung Quốc, Hà Lan, ... tăng vào dịp cuối năm.

Theo Tổ chức hạt và trái cây khô quốc tế (INC), tiêu thụ các loại hạt khô toàn cầu đạt 30 tỷ USD mỗi năm, trong đó dẫn đầu là hạt điều, với tỷ trọng dự kiến sẽ tăng lên chiếm 28,91% vào năm 2021, xếp thứ 2 là hạt óc chó. Tới thời điểm đó, Châu Á- Thái Bình Dương dẫn đầu về thị trường tính theo khu vực địa lý, chiếm 92,62% thị trường quả khô.

Đáng chú ý, thị hiếu tiêu dùng của người dân Trung Quốc có sự chuyển dịch từ gạo sang các loại hạt ngũ cốc, trong đó người tiêu dùng nước này chuộng ăn hạt điều rang muối, hạt điều tẩm mật ong, hạt điều wasabi, ... Triển vọng tiêu thụ điều trung và dài hạn sẽ tiếp tục tăng, là cơ hội lớn để Việt Nam phát triển ngành sản xuất và chế biến điều.

4. Tình hình sản xuất, tiêu thụ và giá điều của một số nước

Ấn Độ, sản lượng hạt điều thô niên vụ 2017/18 đạt 600.000 - 700.000 tấn, chiếm 23% sản lượng toàn cầu. Sản lượng niên vụ này ước tăng so với vụ trước nhưng cũng chỉ đủ đáp ứng nhu cầu của các nhà chế biến nhỏ tại địa phương, phần thiếu hụt phải nhập khẩu từ các nước khác. Là nước xuất khẩu điều lớn thứ 2 thế giới, tuy nhiên, xuất khẩu điều nhân của Ấn Độ liên tiếp giảm do tiêu thụ nội địa tăng khiến sản lượng trong nước chỉ đủ cho tiêu thụ nội địa. Thị phần nhân điều của Ấn Độ trên thị trường thế giới chiếm 23%.

Ấn Độ là nước tiêu thụ nhân điều lớn nhất thế giới, chiếm 25% tổng cung điều toàn cầu. Tiêu dùng điều nội địa Ấn Độ tăng trưởng với tốc độ 5%/năm, đạt khoảng 300.000 tấn trong năm 2017/18, gần gấp đôi lượng xuất khẩu. Thời vụ kinh doanh điều tốt ở Ấn Độ bắt đầu từ 24/7 khi bước vào tháng Shravana

THỊ TRƯỜNG HẠT ĐIỀU

(tháng thứ 15 theo lịch của người Hindu), nhu cầu của người tiêu dùng tăng mạnh. Lễ Diwali năm nay sẽ bắt đầu vào ngày 19/10 và kéo dài đến 23/10.

Xuất khẩu hạt điều của Ấn Độ niên vụ 2017/18 ước đạt 176.000 tấn, tăng so với mức 155.000 tấn trong niên vụ 2016/17. Tuy nhiên, chi phí sản xuất cao và giá trên thị trường nội địa còn cao hơn cả giá xuất khẩu (do nhu cầu nội địa mạnh) khiến điều Ấn Độ mất dần sức cạnh tranh trên thị trường thế giới.

Bờ Biển Ngà là nhà sản xuất điều lớn thứ 2 thế giới, với sản lượng năm 2017 ước đạt kỷ lục cao 750.000 tấn (điều thô) nhờ thời tiết thuận lợi. Giá điều tại Bờ Biển Ngà năm nay cũng tăng cao. Chính phủ Bờ Biển Ngà đặt mức giá sàn tại cổng trại đối với hạt điều là 440 CFA francs/kg cho vụ sản xuất năm 2017, bắt đầu từ giữa tháng 2/2017, tăng so với mức 350 CFA francs/kg của năm trước.

Căm-pu-chia là một trong những nước sản xuất điều lớn với diện tích trồng loại cây này hiện khoảng 64.840 ha. Nước này xuất khẩu một phần điều thô nguyên liệu sang Việt Nam và một số thị trường khác, và xuất khẩu điều nhân, chủ yếu sang các thị trường Hàn Quốc và Nhật Bản.

5. Đánh giá thị phần mặt hàng hạt điều của Việt Nam tại một số thị trường xuất khẩu

Hoa Kỳ: Nhu cầu tiêu thụ điều tiếp tục tăng mạnh. Theo số liệu thống kê từ dataweb.usitc.gov, trong 9 tháng năm 2017, nước này đã nhập khẩu 1,176 tỷ USD, tăng 40,5% so với 9 tháng năm 2016 và tăng 36,8% so với 9 tháng năm 2015. Việt Nam vẫn giữ vững là nguồn cung mặt hàng lớn nhất tại Hoa Kỳ, với tốc độ tăng trưởng 40,4% so với 9 tháng năm ngoái và tăng 49,5% so với 9 tháng năm 2015, đạt 877,7 triệu USD, chiếm 74,6% thị phần.

Nguồn cung hạt điều vào thị trường Mỹ trong 9 tháng năm 2017

(ĐVT: nghìn USD)

Thị trường	9T/2017	So với 9T/2016(%)	So với 9T/2015(%)	Thị phần(%)		
				9T/2017	9T/2016	9T/2015
Tổng	1.176.100	40,5	36,8	100,0	100,0	100,0
<i>Việt Nam</i>	877.792	40,4	49,5	74,6	74,7	68,3
Ấn Độ	166.043	80,7	-3,8	14,1	11,0	20,1
Bra-xin	42.955	-19,3	28,3	3,7	6,4	3,9
In - đô - nê - xia	19.484	16,8	83,1	1,7	2,0	1,2
Mô - dăm- bích	15.896	10,0	44,4	1,4	1,7	1,3
Bê - nanh	10.785	491,3	225,6	0,9	0,2	0,4
Thái Lan	10.230	12,4	-13,2	0,9	1,1	1,4

Nguồn: Dataweb.usitc.gov

THỊ TRƯỜNG HẠT ĐIỀU

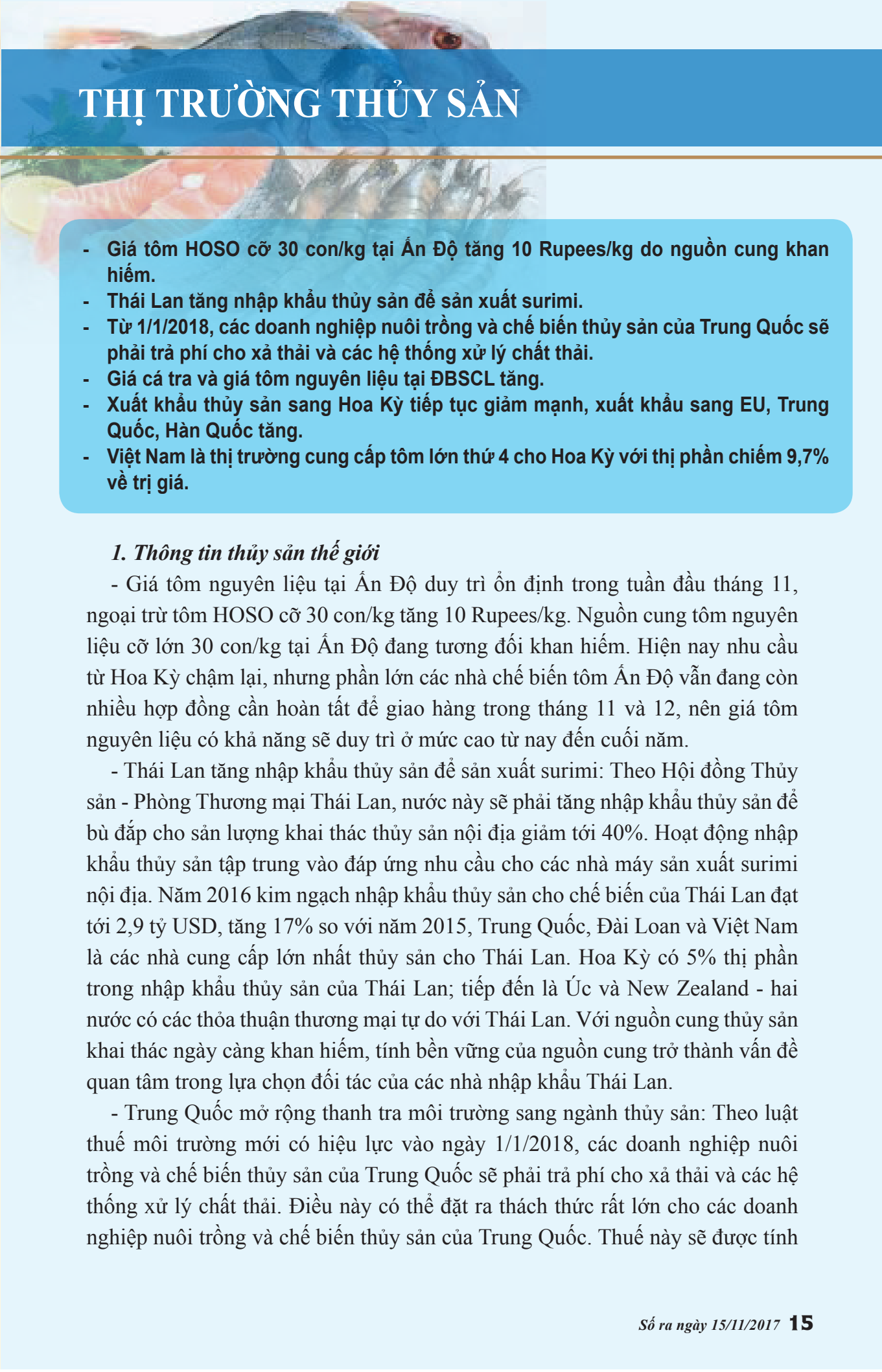
Trung Quốc: Theo số liệu thống kê từ customs-info.com, trong 9 tháng năm 2017, Trung Quốc nhập khẩu 2,33 triệu tấn, kim ngạch đạt 24,67 triệu USD, tăng 81,1% về lượng và tăng 144,9% về kim ngạch so với 9 tháng năm ngoái. Trong đó, nhập khẩu hạt điều từ Việt Nam tăng mạnh 94,9% về lượng và tăng 156,3% về kim ngạch, chiếm 97% thị phần (về lượng) và chiếm 97,9% thị phần (về trị giá), tăng so với 90,2% thị phần (về lượng) và tăng 93,6% thị phần (về trị giá) trong 9 tháng năm ngoái.

Nguồn cung hạt điều vào thị trường Trung Quốc trong 9 tháng năm 2017

(ĐVT: Lượng - nghìn tấn; Trị giá - nghìn USD; Giá NKTB - USD/kg)

Thị trường	9T/2017		So với 9T/2016(%)		Giá NKTB 9T/2017	So với 9T/2016 (%)	Thị phần(%)			
	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá			9T/2017		9T/2016	
							Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá
Tổng	2.338	24.678	81,1	144,9	10,6	35,2	100,0	100,0	100,0	100,0
Việt Nam	2.269	24.163	94,9	156,3	10,7	31,5	97,0	97,9	90,2	93,6
Ấn Độ	39	261	29,2	74,8	6,8	35,3	1,6	1,1	2,3	1,5
Tan-da-nia	30	241	-50,6	-23,2	8,1	55,3	1,3	1,0	4,7	3,1
Mỹ	1	9	40,5	10,0	12,5	-21,8	0,0	0,0	0,0	0,1
Thái Lan	0,4	4	-21,7	-30,6	8,4	-11,4	0,0	0,0	0,0	0,1

Nguồn: [Customs-info](#)



THỊ TRƯỜNG THỦY SẢN

- Giá tôm HOSO cỡ 30 con/kg tại Ấn Độ tăng 10 Rupees/kg do nguồn cung khan hiếm.
- Thái Lan tăng nhập khẩu thủy sản để sản xuất surimi.
- Từ 1/1/2018, các doanh nghiệp nuôi trồng và chế biến thủy sản của Trung Quốc sẽ phải trả phí cho xả thải và các hệ thống xử lý chất thải.
- Giá cá tra và giá tôm nguyên liệu tại ĐBSCL tăng.
- Xuất khẩu thủy sản sang Hoa Kỳ tiếp tục giảm mạnh, xuất khẩu sang EU, Trung Quốc, Hàn Quốc tăng.
- Việt Nam là thị trường cung cấp tôm lớn thứ 4 cho Hoa Kỳ với thị phần chiếm 9,7% về trị giá.

1. Thông tin thủy sản thế giới

- Giá tôm nguyên liệu tại Ấn Độ duy trì ổn định trong tuần đầu tháng 11, ngoại trừ tôm HOSO cỡ 30 con/kg tăng 10 Rupees/kg. Nguồn cung tôm nguyên liệu cỡ lớn 30 con/kg tại Ấn Độ đang tương đối khan hiếm. Hiện nay nhu cầu từ Hoa Kỳ chậm lại, nhưng phần lớn các nhà chế biến tôm Ấn Độ vẫn đang còn nhiều hợp đồng cần hoàn tất để giao hàng trong tháng 11 và 12, nên giá tôm nguyên liệu có khả năng sẽ duy trì ở mức cao từ nay đến cuối năm.

- Thái Lan tăng nhập khẩu thủy sản để sản xuất surimi: Theo Hội đồng Thủy sản - Phòng Thương mại Thái Lan, nước này sẽ phải tăng nhập khẩu thủy sản để bù đắp cho sản lượng khai thác thủy sản nội địa giảm tới 40%. Hoạt động nhập khẩu thủy sản tập trung vào đáp ứng nhu cầu cho các nhà máy sản xuất surimi nội địa. Năm 2016 kim ngạch nhập khẩu thủy sản cho chế biến của Thái Lan đạt tới 2,9 tỷ USD, tăng 17% so với năm 2015, Trung Quốc, Đài Loan và Việt Nam là các nhà cung cấp lớn nhất thủy sản cho Thái Lan. Hoa Kỳ có 5% thị phần trong nhập khẩu thủy sản của Thái Lan; tiếp đến là Úc và New Zealand - hai nước có các thỏa thuận thương mại tự do với Thái Lan. Với nguồn cung thủy sản khai thác ngày càng khan hiếm, tính bền vững của nguồn cung trở thành vấn đề quan tâm trong lựa chọn đối tác của các nhà nhập khẩu Thái Lan.

- Trung Quốc mở rộng thanh tra môi trường sang ngành thủy sản: Theo luật thuế môi trường mới có hiệu lực vào ngày 1/1/2018, các doanh nghiệp nuôi trồng và chế biến thủy sản của Trung Quốc sẽ phải trả phí cho xả thải và các hệ thống xử lý chất thải. Điều này có thể đặt ra thách thức rất lớn cho các doanh nghiệp nuôi trồng và chế biến thủy sản của Trung Quốc. Thuế này sẽ được tính

THỊ TRƯỜNG THỦY SẢN

dựa trên mức xả thải. Nông dân có thể nộp hồ sơ xin miễn thuế nếu họ lắp đặt nhà máy xử lý chất thải trong cơ sở sản xuất.

2. Thị trường trong nước

- Tại ĐBSCL, giá cá tra tiếp tục tăng: Giá cá tra loại 1 tại Đồng Tháp dao động từ 28.000 - 30.500 đồng/kg; Tại An Giang, các doanh nghiệp mua cá tra loại 1 tại hầm với giá từ 28.000 - 28.500 đồng/kg. Như vậy, cho tới nay, giá cá tra đang giữ ở mức cao kỷ lục của năm và cao hơn cùng kỳ năm ngoái từ 5.000 - 6.500 đồng/kg. Dự báo giá cá tra trong những tháng tới sẽ tiếp tục tăng do nhu cầu thị trường xuất khẩu đang hút hàng.

- Giá tôm nguyên liệu tại các huyện Thanh Phú, Ba Tri và Bình Đại (Bến Tre) tăng khoảng 5 ngàn đồng/kg so với tháng trước. Cụ thể, tôm sú nuôi quảng canh loại 30 con/kg giá 230 ngàn đồng/kg; loại 40 con/kg giá 190 ngàn đồng/kg; tôm thẻ loại 50 - 60 con/kg giá từ 125 - 135 ngàn đồng/kg; loại từ 100 con/kg giá thấp nhất 110 ngàn đồng/kg. Tôm biển tăng giá do nguồn cung giảm và vào thời điểm cuối năm nhu cầu tôm nguyên liệu cao hơn để chế biến phục vụ thị trường Tết Nguyên đán và xuất khẩu.

3. Tình hình xuất khẩu thủy sản

Theo thống kê của Tổng cục Hải quan, tháng 10/2017, kim ngạch xuất khẩu thủy sản đạt 856,2 triệu USD, tăng 8,8% so với tháng trước và tăng 19% so với tháng 10/2016. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ tiếp tục giảm mạnh, xuất khẩu sang EU, Trung Quốc, Hàn Quốc tăng.

Tính chung 10 tháng năm 2017, kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng đạt 6,8 tỷ USD, tăng 19,5% so với cùng kỳ năm 2016. 10 tháng năm 2017, cơ cấu thị trường xuất khẩu thủy sản có nhiều biến động khi xuất khẩu sang EU, Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Ca-na-đa tăng mạnh, xuất khẩu sang Hoa Kỳ có xu hướng giảm. Tình hình thị trường xuất khẩu chủ lực như sau:

Mặc dù giảm, nhưng Hoa Kỳ vẫn giữ vững vị trí là thị trường xuất khẩu thủy sản lớn nhất của Việt Nam trong 10 tháng năm 2017 với kim ngạch đạt 1,18 tỷ USD, giảm 1,7% so với cùng kỳ năm 2016, trong đó xuất khẩu tôm và cá tra giảm, nhưng cá ngừ tăng mạnh.

EU là thị trường xuất khẩu thủy sản lớn thứ 2 của Việt Nam với kim ngạch đạt 1,12 tỷ USD, tăng 22,9% so với cùng kỳ năm 2016; xuất khẩu tôm và cá ngừ đều tăng trưởng tốt với mức tăng trên 20%, nhưng xuất khẩu cá tra giảm.

10 tháng năm 2017, xuất khẩu thủy sản sang Nhật Bản đã đạt mốc 1,0 tỷ

THỊ TRƯỜNG THỦY SẢN

USD, tăng 22,2% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, tôm và cá ngừ là 2 mặt hàng có tốc độ tăng trưởng tốt nhất. Tỷ lệ tận dụng C/O ưu đãi theo Hiệp định Việt Nam - Nhật Bản và Hiệp định ASEAN - Nhật Bản để thúc đẩy xuất khẩu thủy sản sang Nhật Bản tương đối cao, đạt 67,2% tổng kim ngạch xuất khẩu và tăng 25,4% so với cùng kỳ năm 2016.

Xuất khẩu thủy sản sang Trung Quốc 10 tháng năm 2017 tăng mạnh, đạt 908,9 triệu USD, tăng 67,9% so với cùng kỳ 2016. Hiện đây là thị trường xuất khẩu tôm sú lớn nhất và đã vượt EU trở thành thị trường xuất khẩu cá tra lớn thứ 2 của Việt Nam. Trong bối cảnh xuất khẩu sang Hoa Kỳ và EU tăng trưởng chậm, Trung Quốc tiếp tục là thị trường thay thế tiềm năng với cơ hội cũng như dư địa tăng trưởng xuất khẩu lớn.

15 thị trường xuất khẩu thủy sản lớn nhất tháng 10 và 10 tháng năm 2017

Thị trường	Tháng 10/2017 (USD)	So với tháng 10/2016 (%)	10 tháng 2017 (USD)	So với cùng kỳ 2016 (%)
Hoa Kỳ	136.000.633	-9,4	1.180.170.335	-1,7
EU	158.645.865	40,3	1.125.878.710	22,9
Trung Quốc	129.254.490	89,0	908.880.739	67,9
Nhật Bản	123.167.139	6,3	1.068.706.890	22,2
Hàn Quốc	84.804.553	43,5	625.189.725	29,5
Ca-na-đa	24.606.836	23,2	186.343.963	22,7
Thái Lan	24.199.558	4,6	205.968.697	3,4
Úc	19.850.059	2,3	144.370.171	-1,6
Hồng Kông	15.886.317	20,0	130.032.811	3,5
Phi-líp-pin	15.134.213	62,1	103.377.980	60,3
Đài Loan	11.322.703	9,0	92.800.127	8,0
Mê-hi-cô	10.711.207	9,8	98.661.199	26,8
Ma-lai-xi-a	9.666.292	35,6	83.815.231	38,1
Nga	8.874.704	-43,6	80.620.081	5,5
Bra-xin	8.030.677	88,4	85.968.960	71,3

Nguồn: Tổng cục Hải quan

4. Dung lượng thị trường và thị phần thủy sản của Việt Nam

- Về dung lượng thị trường cá của EU: Theo nghiên cứu của Hiệp hội Các nhà Chế biến và Kinh doanh thủy sản EU (AIPCE-CEP), nhu cầu tiêu thụ cá của Liên minh Châu Âu (EU) đang có xu hướng tăng, kéo theo nhu cầu nhập khẩu tăng mạnh phục vụ ngành chế biến. Đây là sản phẩm đóng vai trò quan trọng và thiết yếu trong ngành thủy sản nhiều năm qua. Theo đó: (i) tổng cung của thị

THỊ TRƯỜNG THỦY SẢN

trường đã tăng lên 14,4 triệu tấn; (ii) khối lượng nhập khẩu lên tới 9,20 triệu tấn; (iii) sản lượng khai thác của EU giảm 4,6% xuống còn 4,762 triệu tấn; (iv) tiêu thụ trung bình tăng 0,6 kg/ người lên 24,5 kg/người; (v) sản lượng khai thác các loài cá thịt trắng đã giảm 0,2% và hạn ngạch được phép khai thác cũng đã giảm đáng kể; (vi) xuất khẩu cá giảm 4,2% xuống còn 1.927 triệu tấn; (vii) tỷ trọng nhập khẩu cá thịt trắng khai thác tự nhiên tăng lên 88,9%; (viii) nguồn cung nội địa có dấu hiệu phục hồi, nhưng nhập khẩu vẫn là nguồn cung chủ yếu của ngành.

- Dung lượng thị trường tôm Hoa Kỳ và thị phần của Việt Nam: Theo Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ (USDA), 9 tháng năm 2017 nhập khẩu tôm của Hoa Kỳ tăng 10% về lượng và tăng 15% về trị giá so với cùng kỳ năm 2016, đạt 471.989 tấn, trị giá gần 4,6 tỷ USD. Trong đó, Việt Nam đứng thứ 4 với thị phần chiếm 9,7% về trị giá. Nhập khẩu tôm của Hoa Kỳ từ Việt Nam giảm do: (i) mức thuế chống bán phá giá Hoa Kỳ áp cho tôm Việt Nam cao hơn các nhà cung cấp khác; (ii) sự cạnh tranh mạnh mẽ từ Ấn Độ (đối thủ cạnh tranh chính của Việt Nam trên thị trường Hoa Kỳ) nhờ mức thuế chống bán phá giá Hoa Kỳ áp cho tôm nước ấm đông lạnh nhập khẩu từ Ấn Độ giảm so với mức trước đó, và giá xuất khẩu tôm trung bình của Ấn Độ thấp hơn từ 15-20% so với các nguồn cung khác; (iii) sản lượng tôm của Hoa Kỳ tăng mạnh trong vụ khai thác tôm vừa qua, đạt gần 7.250 tấn tôm nguyên liệu.

Hiện nay, Ấn Độ là nguồn cung tôm lớn nhất cho Hoa Kỳ, chiếm 33% tổng giá trị nhập khẩu tôm vào Mỹ; tiếp đó In-đô-nê-xia đứng thứ 2 chiếm 19%; Thái Lan chiếm 12% đứng thứ 3 và Việt Nam đứng thứ 4.

THỊ TRƯỜNG HẠT TIÊU

- Giá hạt tiêu thu mua trong nước vẫn duy trì ở mức thấp.
- Tháng 10/2017 xuất khẩu hạt tiêu vẫn duy trì xu hướng như các tháng quý III/2017.

1. Thị trường trong nước

Giá hạt tiêu thu mua trong nước vẫn duy trì ở mức thấp, khoảng 74.000 - 77.000 đồng/kg. Như vậy, tính từ đầu tháng 11 đến nay giá hạt tiêu trong nước đã giảm từ 0,7% đến 2,6%.

Giá thu mua hạt tiêu tại thị trường trong nước

Tỉnh	Huyện	Giá thu mua hạt tiêu ngày 14/11/2017 (đồng/kg)	So với ngày 1/11/2017	
			Đơn giá (đồng/kg)	%
Đắk Lắk	— Ea H'leo	75.000	-2.000	-2,6
Gia Lai	— Chư Sê	74.500	-500	-0,7
Đắk Nông	— Gia Nghĩa	75.000	-1.000	-1,3
Bà Rịa - Vũng Tàu		77.000	-1.000	-1,3
Bình Phước		75.000	-1.000	-1,3
Đồng Nai		74.000	-1.000	-1,3

2. Tình hình xuất khẩu

Theo thống kê của Tổng cục Hải quan, tháng 10/2017 lượng hạt tiêu xuất khẩu đạt 11.039 tấn, trị giá 50,9 triệu USD, giảm 18,3% về lượng và giảm 21,6% về trị giá so với tháng trước đó. Lũy kế 10 tháng năm 2017, lượng hạt tiêu xuất khẩu đạt 192.235 tấn, trị giá 1,01 tỷ USD, tăng 21% về lượng, nhưng lại giảm 20,9% về trị giá so với cùng kỳ năm 2016. Giá xuất khẩu bình quân hạt tiêu 10 tháng năm 2017 giảm 34,7% so với cùng kỳ năm 2016, đạt 5.297 USD/tấn và tiếp tục xu hướng giảm.

Trong 10 tháng năm 2017, xuất khẩu hạt tiêu sang hầu hết các thị trường đều giảm về kim ngạch so với cùng kỳ năm ngoái, do giá xuất khẩu giảm mạnh, mặc dù lượng hạt tiêu xuất khẩu tăng. Ba thị trường xuất khẩu hạt tiêu lớn nhất của Việt Nam là: Hoa Kỳ, Ấn Độ, và Các tiểu vương quốc Ả rập Thống Nhất (UAE).

Hoa Kỳ là thị trường tiêu thụ lớn nhất các loại hạt tiêu của Việt Nam, trong 10 tháng năm 2017 hạt tiêu xuất khẩu sang thị trường này với 34.100 tấn và 197,4 triệu USD, giảm 5,6% về lượng và giảm 37% trị giá so với cùng kỳ 2016. Ấn Độ thị trường xuất khẩu hạt tiêu lớn thứ 2 của Việt Nam với 13.792 tấn và 68,8 triệu USD, tăng 39% về lượng nhưng giảm 9,9% về trị giá so với cùng kỳ năm 2016. Tiếp đến thị trường UAE với 12.333 tấn và 59 triệu USD, tăng 4,8% về lượng nhưng giảm 32,4% về trị giá so với cùng kỳ năm trước.

THỊ TRƯỜNG HẠT TIÊU

10 thị trường xuất khẩu hạt tiêu lớn nhất tháng 10 và 10 tháng năm 2017

Thị trường	Tháng 10/2017		So với tháng 10/2016 (%)		10 tháng 2017		So với cùng kỳ 2016 (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (USD)	Lượng	Trị giá	Lượng (tấn)	Trị giá (USD)	Lượng	Trị giá
Hoa Kỳ	2.249	11.162.089	14,3	-33,8	34100	197.461.709	-5,6	-37,0
Ấn Độ	799	3.340.032	164,6	34,0	13.792	68.800.220	39,0	-9,9
UAE	253	1.071.191	-83,0	-89,9	12.333	58.986.311	4,8	-32,4
Đức	435	2.174.328	16,6	-36,5	6.703	41.046.069	0,7	-33,5
Pa-ki-xtan	243	924.335	-66,0	-83,0	7.743	40.462.031	14,1	-22,9
Hà Lan	468	2.652.546	11,7	-27,7	5.498	35.194.316	9,6	-23,3
Âi Cập	178	581.701	-51,5	-76,7	7.422	33.047.684	36,8	-15,7
Hàn Quốc	218	1.048.645	26,7	-19,4	4.417	26.018.794	15,3	-17,8
Thái Lan	170	880.659	34,9	-29,8	3.798	24.809.637	39,9	-6,9
Anh	321	1.712.219	-16,6	-50,8	3.663	24.485.587	24,0	-10,7

Nguồn: Tổng cục Hải quan

3. Triển vọng xuất khẩu thời gian tới

Dự báo, cả năm 2017 Việt Nam sẽ xuất khẩu 200 đến 210 ngàn tấn hạt tiêu, trên tổng sản lượng hạt tiêu toàn cầu khoảng 320 ngàn tấn.

Trên thị trường hạt tiêu thế giới, hạt tiêu Việt Nam đang chiếm tỷ trọng rất cao, đến 62,5% lượng hạt tiêu toàn cầu. Xét về mặt thị trường, nhờ nắm trong tay khối lượng hạt tiêu lớn đã tạo cho Việt Nam 3 lợi thế, đó là: (i) Thị trường hạt tiêu rất ổn định; (ii) Giá bán luôn có lợi hơn các nước khác; (iii) Chiếm tỷ trọng lớn nên có sức ảnh hưởng trên thị trường thế giới, tuy giá xuất khẩu giảm nhưng trong suốt thời gian qua giá tiêu trong nước vẫn khá ổn định và luôn duy trì ở mức tốt.

Giá hạt tiêu từ nay đến cuối năm sẽ phụ thuộc vào 2 yếu tố: Tồn kho của Việt Nam và thu hoạch vụ mới của Ấn Độ. Nhìn chung, giá tiêu hiện nay khó có thể tăng trong ngắn hạn, các giao dịch đều chững do thị trường còn nhiều rủi ro. Tuy nhiên, nếu sản lượng hạt tiêu trong năm tới vẫn tăng cao, nhiều khả năng ngành hạt tiêu sẽ tiếp tục đối mặt với khó khăn.

Trên thị trường tuần qua, lượng tiêu đen Bờ-ra-xin được giao dịch nhiều nhất do giá chào thấp kỷ lục, tương đương 80.000 đồng/kg. Nguồn cung của Việt Nam có khả năng dư thừa: (i) sản lượng năm cũ tồn kho trong dân lớn vì giá thấp; (ii) sản lượng năm nay dự đoán cao hơn, vụ mới bắt đầu thu hoạch trong 3 tháng tới; (iii) Căm-pu-chia vẫn đang tiếp tục xuất khẩu hạt tiêu ra thị trường, trong khi Bờ-ra-xin đang chuẩn bị vào vụ thu hoạch với sản lượng không giảm so với niên vụ trước; bên cạnh đó, hạt tiêu Việt Nam đang gặp nhiều rào cản tại các thị trường như Ấn Độ, Xri Lan-ca, Hoa Kỳ, EU.

THƯƠNG MẠI NÔNG, LÂM SẢN, THỦY SẢN TẠI CỬA KHẨU MÓNG CÁI

Giai đoạn cuối năm 2017, các đơn vị chuyên nhập khẩu mặt hàng cao su thiên nhiên của Trung Quốc có nhu cầu cao về các loại sản phẩm cao su chất lượng cao và có thương hiệu, nhất là SVR 3L. Đây chính là thương hiệu sản phẩm cao su thiên nhiên sơ chế nổi tiếng và uy tín hàng đầu

của Việt Nam. Trong tuần từ 02/11 đến 09/11/2017, sản lượng cao su xuất khẩu sang Trung Quốc đạt 17.250 tấn (tuần trước đạt 17.030 tấn). Các sản phẩm chất lượng cao đạt tỉ lệ 68%. Giá xuất khẩu các sản phẩm chất lượng cao tăng 2,35% so với tuần trước.

Về xuất khẩu thủy, hải sản, cơn bão số 12 không những chỉ gây ra sự thiệt hại to lớn là ngừng trệ về sản xuất nghề cá của ngư dân vùng biển miền Trung, mà còn gây lút lội ách tắc giao thông nên việc vận chuyển hàng thủy, hải sản ra Móng Cái để xuất khẩu sang Trung Quốc bị ảnh hưởng nặng nề. Vì vậy, trong tuần từ ngày 02 – 9/11/2017, sản lượng các mặt hàng thủy, hải sản xuất khẩu giảm mạnh, chỉ đạt 7.150 tấn, giảm 2.150 tấn so với tuần trước. Các mặt hàng xuất khẩu tuần này tập trung vào những sản phẩm cấp đông, đông lạnh tươi, chế biến khô, loài giáp xác, các loại cá ướp đá và muối sôi, chủ yếu từ Thừa Thiên Huế trở ra phía Bắc. Tuy số lượng sản phẩm tham gia xuất khẩu giảm mạnh, nhưng kim ngạch giảm không đáng kể, do nhiều sản phẩm mới có giá trị cao hoặc giá tăng nhờ cung thấp hơn cầu.

Xuất khẩu nông sản cuối năm được tập trung vào các loại hạt như hạt điều, hạt sen, hồ đào, hạnh nhân, lạc, vừng đen... phục vụ nhu cầu chế biến và sản xuất bánh kẹo đáp ứng nhu cầu Tết dương lịch và Tết nguyên đán 2018. Xuất khẩu hoa quả Đồng bằng sông Cửu Long nửa đầu tháng 11/2017 tập trung vào các sản phẩm có thương hiệu nổi tiếng như xoài Hòa Lộc, Cát Chu, Long Xuyên, cam sành Hậu Giang, các loại bưởi da xanh, Năm Roi, nhãn da bò, mít Tố Nữ, măng cụt, măng cầu, hồng xiêm... với sản lượng bình quân tuần đạt 370 tấn. Các đối tác nhập khẩu Trung Quốc chịu mọi chi phí thủ tục cho lô hàng kể từ khi đến cửa khẩu bên Việt Nam nên các doanh nghiệp Việt Nam đã thu được lợi nhuận tốt hơn so với đầu năm.





TIN CHUYÊN ĐỀ

EU ban hành thẻ vàng đối với hải sản khai thác của Việt Nam

Ngày 23/10/2017, Ủy ban châu Âu đã ban hành thẻ vàng đối với hải sản khai thác của Việt Nam do vi phạm những quy định về chống đánh bắt hải sản bất hợp pháp. Sau ngày này, Việt Nam sẽ có 6 tháng để khắc phục các thiếu



sót, nếu không có cải thiện theo đánh giá của EU, sẽ bị chuyển sang ban hành thẻ đỏ, đồng nghĩa với việc bị cấm xuất khẩu các mặt hàng hải sản khai thác sang EU.

Hiện nay, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công Thương đang phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương và Hiệp hội VASEP xây dựng, sửa đổi các văn bản quan trọng để ứng phó, khắc phục lệnh cảnh báo thẻ vàng của EU, bao gồm Luật Thủy sản sửa đổi và Kế hoạch hành động quốc gia nhằm ngăn chặn, giảm thiểu và loại bỏ khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định đến năm 2025.

Từ ngày 31/10/2017 đến 3/11/2017, Tổ công tác IUU VASEP đã đến các tỉnh Đà Nẵng, Khánh Hòa, Bình Thuận làm việc với các Chi cục Thủy sản và Ban Quản lý cảng cá để khảo sát, tìm hiểu về hoạt động quản lý nghề cá tại các địa phương, quy trình cấp giấy xác nhận, chứng nhận khai thác, các vướng mắc bất cập trong quản lý khai thác thủy sản... Sau chuyến khảo sát, Tổ công tác sẽ báo cáo và đề xuất lên Ban Điều hành IUU của VASEP để kiến nghị một số giải pháp thiết thực trong chương trình hành động quốc gia chống khai thác IUU.

Theo kế hoạch, trong năm 2017, Tổng cục Sức khỏe và An toàn thực phẩm (DG SANTE) thuộc Ủy ban Châu Âu (EC) thông báo sẽ có 02 đoàn thanh tra liên quan đến thủy sản tại Việt Nam. Trong đó, đoàn thanh tra về chuỗi kiểm soát thủy sản đã được thực hiện trong tháng 6/2017 và đoàn thanh tra về kiểm soát dư lượng (trong thủy sản, mật ong) và sản xuất kinh doanh thuốc thú y sẽ được thực hiện trong tháng 11/2017. Kết quả Đoàn Thanh tra EU vào tháng 6/2017: (i) về cơ bản đáp ứng yêu cầu theo quy định của EU, đặc biệt là hệ



TIN CHUYÊN ĐỀ

thống văn bản pháp lý, trình tự thủ tục thực hiện kiểm tra, giám sát và năng lực của đội ngũ cán bộ của Cơ quan quản lý an toàn thực phẩm thủy sản; (ii) Các khuyến cáo chủ yếu trong đợt thanh tra tháng 9/2012 như điều kiện vệ sinh tàu cá, cảng cá, cơ sở sản xuất nước đá tại cảng đã cơ bản được khắc phục; (iii) đánh giá cao biện pháp quyết liệt của phía Việt Nam đối với các cơ sở có lô hàng bị cơ quan thẩm quyền EU cảnh báo các chỉ tiêu về hóa chất kháng sinh; (iv) ghi nhận một số sai lỗi, tồn tại đối với tàu cá, cơ sở nuôi, cơ sở chế biến và phòng kiểm nghiệm cần được khắc phục, cải thiện trong thời gian tới để đáp ứng quy định của EU.

Cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản (NAFIQAD) hiện đang chủ trì, phối hợp với các cơ quan hữu quan đang làm việc với Đoàn thanh tra EU tháng 11/2017 về kiểm soát dư lượng. Hiện nay, Cục Xuất nhập khẩu, Vụ Âu Mỹ Bộ Công Thương cũng đang phối hợp với các cơ quan thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Tổng cục Thủy sản, Cục Thú y, NAFIQAD) làm việc với đại diện EU để hỗ trợ Việt Nam nâng cao năng lực kiểm soát an toàn thực phẩm thủy sản đáp ứng các quy định của EU.

Năm 2025 có 95% hải sản khai thác được kiểm soát nguồn gốc ngay tại cảng

Bộ NN&PTNT đã trình Chính phủ kế hoạch hành động Quốc gia nhằm ngăn chặn, giảm thiểu và loại bỏ khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy trình. Theo đó, Bộ NN&PTNT đề trình Chính phủ phê duyệt đề án khai thác hải sản viễn dương, và quy hoạch khai thác hải sản xa bờ đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

Đồng thời, thành lập và vận hành hệ thống kiểm soát nguyên vật liệu thủy sản khai thác nhập khẩu vào Việt Nam, trong khi điều chỉnh và vận hành hiệu quả cơ chế chứng nhận xuất xứ thủy sản khai thác trong nước.





TIN CHUYÊN ĐỀ

Nâng cấp hệ thống kỹ thuật của trạm bờ tại Tổng cục Thủy sản và 28 tỉnh ven biển để giám sát và sử dụng hiệu quả thông tin được giám sát từ 10.000 tàu cá để ngăn chặn, giảm thiểu và loại bỏ hoạt động khai thác hải sản bất hợp pháp.

Bên cạnh đó, thiết lập cơ sở dữ liệu nghề cá để tăng cường công tác xác nhận, chứng nhận, truy xuất nguồn gốc đối với thủy sản khai thác trong nước, cũng như thiết lập được hệ thống kiểm soát hiệu quả để từ chối nhập khẩu nguyên liệu thủy sản khai thác bất hợp pháp do tàu cá nước ngoài xuất khẩu vào Việt Nam.

Nhiệm vụ cần thực hiện giai đoạn 2018 - 2020

Theo đó, Bộ NN&PTNT yêu cầu chấm dứt hoàn toàn tình trạng tàu cá và người dân Việt Nam khai thác bất hợp pháp ở vùng biển nước ngoài và vùng biển quốc tế.

Xây dựng các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật thủy sản 2017, và phê chuẩn việc tham gia các hiệp định chống khai thác bất hợp pháp như Hiệp định về đàn cá di cư (UNFSA), hiệp định các biện pháp quốc gia có cảng (PSMA).

Nhiệm vụ thực hiện giai đoạn 2021 - 2025

Cần hoàn thiện hệ thống văn chuyển chuyển đổi nghề, sinh kế bền vững để hỗ trợ người dân.

Kiểm soát chặt chẽ số lượng, chủng loại và xuất xứ các lô hàng thủy sản nhập khẩu. Tăng cường năng lực kiểm soát, thành tra tàu cá, xác nhận sản lượng lên bến tại các cảng cá, bến cá và truy xuất nguồn gốc một cách đồng bộ. Mục tiêu đến năm 2025, 95% sản lượng khai thác lên bến được kiểm soát và xác nhận nguồn gốc ngay tại cảng.

Kế hoạch hành động quốc gia phát triển ngành tôm Việt Nam đến năm 2025

Triển khai Thông báo số 89/TB0VPCP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã và đang phối hợp với Bộ Ngoại giao, Bộ Công Thương, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Tập đoàn Điện lực Việt Nam và các Hiệp hội ngành hàng khẩn trương xây dựng, hoàn thiện “Kế hoạch hành động



quốc gia phát triển ngành tôm Việt Nam đến năm 2025”, góp phần đạt được kim ngạch xuất khẩu 10 tỷ USD vào năm 2025.

Mục tiêu của Kế hoạch hành động là phát triển ngành tôm Việt Nam trở thành ngành công nghiệp sản xuất lớn, bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu và bảo vệ môi



trường sinh thái; nâng cao chất lượng, giá trị, hiệu quả sản xuất và sức cạnh tranh của sản phẩm tôm Việt Nam, mang lại lợi ích cho người dân, doanh nghiệp và nền kinh tế đất nước. Cụ thể:

Giai đoạn 2017-2020: Tăng năng suất, sản lượng, chất lượng và giá trị sản phẩm tôm Việt Nam thông qua áp dụng các tiến bộ khoa học công nghệ, tổ chức lại sản xuất; xây dựng nền tảng cần thiết để thúc đẩy tăng trưởng nhanh, bền vững ở giai đoạn tiếp theo.

Giai đoạn 2021-2025: Ngành công nghiệp tôm công nghệ cao được hình thành ở các vùng sản xuất trọng điểm; vùng nuôi tôm sinh thái được áp dụng khoa học công nghệ để nâng cao năng suất, giá trị sản phẩm dựa trên các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý; hệ thống cơ sở hạ tầng, dịch vụ kỹ thuật được đầu tư đồng bộ.

Định hướng phát triển ngành tôm tập trung vào một số nội dung sau: (i) Phát huy tiềm năng về điều kiện tự nhiên (đặc biệt là lợi thế về nuôi tôm sú), các lợi thế về thị trường, công nghệ chế biến và kinh nghiệm của người dân để phát triển ngành tôm hiệu quả, bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu; (ii) Phát triển ngành tôm theo quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao và các thành tựu khoa học kỹ thuật mang tính đột phá, thân thiện môi trường, phù hợp với đặc điểm sinh thái từng vùng để tăng năng suất, tạo ra khối lượng sản phẩm lớn, có chất lượng cao (đạt chứng nhận uy tín như tôm sinh thái, hữu cơ, GAP). Hướng tới không sử dụng hoá chất, thuốc kháng sinh ở tất cả các phương thức nuôi và các khâu trong chuỗi sản xuất, lưu thông sản phẩm tôm; (iii) Phát triển sản xuất gắn chặt với nhu cầu của thị trường tiêu thụ sản phẩm; nâng cao chất lượng và xây dựng



TIN CHUYÊN ĐỀ

thương hiệu cho các sản phẩm tôm Việt Nam; (iv) Đầu tư phát triển ngành tôm theo tư duy hệ thống và chuỗi giá trị, trong đó doanh nghiệp đóng vai trò dẫn dắt và là động lực của toàn chuỗi giá trị; (v) Tổ chức lại sản xuất theo hướng hợp tác, liên kết của nhóm hộ sản xuất nhỏ lẻ để tạo vùng sản xuất nguyên liệu tập trung quy mô lớn, tạo đầu mối để liên kết với các doanh nghiệp cung ứng vật tư đầu vào và tiêu thụ sản phẩm.

Cũng theo Kế hoạch hành động này, tất cả các khâu trong chuỗi giá trị tôm đều được quan tâm phát triển, tạo cơ hội cho ngành tôm Việt Nam tăng trưởng bền vững trong thời gian tới. Dự kiến “Kế hoạch hành động quốc gia phát triển ngành tôm Việt Nam đến năm 2025” sẽ báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, ký duyệt cuối tháng 11/2017.

Lưu ý: Thông tin sử dụng trong bản tin được thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Thông tin trong bản tin chỉ mang tính tham khảo, các ước tính, dự báo có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi bởi những biến động thị trường.

Rất mong nhận được sự phản hồi, trao đổi thông tin và đóng góp ý kiến của độc giả để Bản tin ngày càng chất lượng hơn.

BẢN TIN NÔNG, LÂM, THỦY SẢN

Đơn vị xây dựng nội dung: Trung tâm Thông tin Công nghiệp và Thương mại - Bộ Công Thương.

Đơn vị phối hợp: Cục Xuất nhập khẩu

Mọi thông tin phản hồi xin liên hệ: Tel: (024) 22192875 - (024) 22202311